

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HS-ST
Ngày 11 tháng 04 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường và Ông Vi Xuân Vượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 03 năm 2023 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Phạm Mạnh H, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 06, ngõ 389, đường bờ đê T1, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông Phạm Văn C, sinh năm 1952 và bà Bùi Thị M, sinh năm 1955; Gia đình bị cáo có 2 anh em, bị cáo là thứ 2; Vợ bị cáo là chị Đồng Thị D, sinh năm 1993 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/01/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Đinh Văn Q, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 11/12. Con ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị X, sinh năm

1965; Gia đình bị cáo có 2 anh em, bị cáo là thứ 2; Vợ bị cáo là chị Lê Thị H, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại:

1. Anh Phạm Minh T2, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Thanh B, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 174 đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L 2, xã Liên C, huyện T, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Phạm Văn X, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hàng C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Vũ Quốc G, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn M, huyện T4, thành phố H1

4. Anh Nguyễn Phương H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số nhà 732 đường N, phường K, thành phố Bắc Ninh.

5. Anh Hà Văn T4, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 267, tổ 81B K, Đ, thành phố Hà Nội.

6. Chị Đỗ Thị X1, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D 1, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

7. Chị Đồng Thị D, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 389, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Mạnh H, sinh năm 1982 có mối quan hệ quen biết với anh Phạm Minh T2, sinh năm 1974, trú tại Số nhà 174 đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Năm 2017, anh T2 mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA HIACE, loại 16 chỗ, biển số 30X-2067, số máy 2KD6487323, số khung RL4RS12P2A9003241 của ông Phạm Duy C, sinh năm 1966 ở số B18 phố Chợ, xã Phú C, huyện S, thành phố Hà Nội sử dụng để kinh doanh dịch vụ chở khách.

Buổi chiều ngày 14/02/2019, anh T2 đến nhà H chơi thì gặp Đinh Văn Q, sinh năm 1990, trú tại Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là em xã hội của H) cũng có mặt tại đó. Tại đây, H đặt vấn đề hỏi mượn anh T2 chiếc xe ô tô BKS 30X-2067 để mang đi cầm cố lấy tiền phục vụ hoạt động kinh doanh. Do quen biết nhau từ trước nên anh T2 đồng ý cho H mượn xe ô tô đem đi cầm cố

nhưng yêu cầu trong thời hạn 10 ngày phải trả lại xe thì H đồng ý. Sau đó, H gọi điện cho Phạm Văn T, sinh năm 1986, trú Thôn L 2, xã Liên C, huyện T, tỉnh Bắc Giang nhờ tìm giúp địa điểm cầm cố xe. T3 đồng ý rồi đi đến nhà Hà. Sau khi được anh T2 giao chìa khoá và giấy tờ xe thì H đưa lại cho Q và bảo Q cùng Tư đi cầm cố xe. Q điều khiển xe ô tô BKS 30X-2067 cùng Tư đi đến nhà Phạm Văn X, sinh năm 1982, trú tại thôn Hàng C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang cầm cố được 180.000.000 đồng. Q cầm tiền đi về đưa toàn bộ số tiền trên cho H. Do anh T2 đang cần tiền để đi vào thành phố H có việc nên H đưa cho anh T2 25.000.000 đồng. Mười ngày sau, anh T2 đến gặp H yêu cầu trả xe. Do chưa có tiền chuộc xe nên H hứa hẹn sẽ chuộc xe về trả nhưng không thực hiện như cam kết. Thời điểm này, chị Trần Thị Thanh B, sinh năm 1982 là vợ anh T2 sau khi biết sự việc đã nhiều lần đến gặp H yêu cầu trả xe nhưng H không chuộc xe về trả.

Ngày 04/4/2019, Phạm Mạnh H gọi điện cho Phạm Văn T nhờ tìm người mua để bán chiếc xe ô tô của anh T2 đã cầm cố trước đó và H sẽ bảo Q liên lạc với T để làm thủ tục bán xe. Sau khi gọi điện cho T3 xong, H gọi điện thoại cho Q nhưng không liên lạc. Do vậy, H đã nhờ Vũ Quốc G, sinh năm 1994 trú tại thị trấn M, huyện T, thành phố H đi đến nhà Q để bảo Q gọi điện thoại cho H. Gia đi xe máy đến nhà Q nói cho Q biết việc H đang cần nói chuyện với Q nhưng không liên lạc được. Do lúc này Q không có điện thoại nên G đã đưa điện thoại của mình cho Q mượn để liên lạc nói chuyện với H. Khi đã liên lạc được qua điện thoại, H bảo Q chủ động liên lạc với T3 để đi bán xe ô tô của anh T2 đã cầm cố trước đó thì Q đồng ý. Sau đó, Q liên lạc qua điện thoại với Tư để bán xe ô tô. T3 đã nhờ Dương Văn B, sinh năm 1973, trú tại thôn L 2, xã L, huyện T tìm người mua xe ô tô. Anh B đã liên lạc với Nguyễn Phương H, sinh năm 1978, trú tại số nhà 732 đường N, phường K, thành phố Bắc Ninh đặt vấn đề bán chiếc xe ô tô BKS 30X-2067. Đến buổi tối cùng ngày, anh H đến nhà anh Phạm Văn X ở xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang và gặp Q. Tại đây, Q bán chiếc xe ô tô biển số 30X-2067 cho anh H với giá 280.000.000 đồng. Q trả tiền cầm cố chiếc xe trước đó cho anh X hết 240.000.000 đồng, số tiền còn lại 40.000.000 đồng thì Q mang về mục đích để đưa cho H. Sau khi liên lạc qua điện thoại, H đã bảo Q đưa số tiền này cho T3. Do vậy, Q đã đưa cho T3 40.000.000 đồng theo yêu cầu của H. Sau đó, T3 đi đến nhà anh Nguyễn Sỹ T sử dụng số tiền này chuộc chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato BKS 98A-179.12 của H do H đã cầm cố tại nhà anh T trước đó.

Đối với vợ chồng anh T3 sau khi tự tìm hiểu thì biết chiếc xe ô tô BKS 30X-2067 đã bị H và Q đem bán cho anh Nguyễn Phương H. Do vậy, vợ chồng anh T3 đến gặp H hỏi thì H thừa nhận đã bán xe ô tô của anh Tuấn. Ngày 08/4/2020, Hà gọi Q đến nhà H gặp vợ chồng anh T3 để nói chuyện về việc đã bán chiếc xe ô tô. Tại đây, H đề nghị anh T3 và chị B cho khắc phục hậu quả và

bồi thường 300.000.000 đồng. Chị B đồng ý và yêu cầu H viết giấy vay nợ thì H nói do Q là người mang xe đi bán nên để Q viết thì chị B đồng ý. Sau đó, chị B viết giấy vay nợ có nội dung Q vay 300.000.000 đồng thì Q ký vào giấy vay nợ này, Vũ Quốc G ký mục người làm chứng. Đến nay, H mới trả cho vợ chồng anh T3 được 50.000.000 đồng. Vợ chồng anh T3 đã nhiều lần gặp H yêu cầu trả tiền nhưng H trốn tránh và không trả nên làm đơn tố cáo.

Kết luận định giá tài sản số 370 ngày 09/10/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Bắc Giang kết luận:

Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe tải VAN, số loại HIACE, biển kiểm soát 30X-2067, số máy 2KD6487323, số khung RL4RS12P2A9003241, xe cũ đã qua sử dụng, sản xuất năm 2010, đăng ký ngày 17/3/2010 có trị giá tại thời điểm tháng 02/2019 là 270.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Phạm Mạnh H, Đinh Văn Q khai nhận thành khẩn hành vi phạm tội như nêu trên. Các bị cáo khai khi bán xe ô tô biển kiểm soát 30X-2067 không được sự đồng ý của anh T2.

Ngày 15/11/2020, Cơ quan điều tra đã cho anh Nguyễn Phương H nhận dạng ảnh Đinh Văn Q. Kết quả anh H nhận đúng ảnh và xác định Q đã bán cho anh H chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA biển kiểm soát 30X-2067 vào ngày 04/4/2019.

Ngày 11/10/2020, Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Samsung của anh Nguyễn Phương H còn lưu trữ hình ảnh chứng minh nhân dân của Đinh Văn Q; hình ảnh giấy bán xe ô tô ghi ngày 11/9/2017 có nội dung anh Phạm Duy C bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30X-2067 cho Q kèm theo hình ảnh xe ô tô. Anh H khai khi mua bán xe ô tô đã yêu cầu Q xuất trình chứng minh nhân dân và anh H đã chụp lại lưu trong điện thoại di động còn giấy bán xe, hình ảnh xe ô tô là do anh Dương Văn B gửi qua Zalo cho anh Hùng xem để kiểm tra thông tin trước khi mua .

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Đinh Văn Q tại tờ Giấy vay nợ lập ngày 08/4/2019 giữa người cho vay là chị Trần Thị Thanh B và người vay là Đinh Văn Q.

Kết luận giám định số 192/KL-KTHS ngày 03/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “Q – Đinh Văn Q” dưới mục “Người vay ký tên” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Đinh Văn Q trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) là do cùng một người ký, viết ra.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Phạm Văn Cảnh tại hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 10/5/2019, số công chứng 8.4/2019/HĐMB do văn phòng Công chứng Trần Toàn – thành phố Hà Nội cấp trong hồ sơ gốc của xe ô tô biển kiểm soát 29D-125.84.

Kết luận giám định số 279/KL-KTHS ngày 16/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “Cảnh - Phạm Duy Cảnh” dưới mục “Bên bán (Bên A)”, chữ viết có nội dung “Cảnh” tại lề dưới tờ 2 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Phạm Duy Cảnh trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) không phải là do cùng một người ký, viết ra.

Về thu giữ, xử lý vật chứng, tài sản liên quan:

- Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30X-2067: Kết quả điều tra xác định anh Huy sau khi mua đã bán lại cho người khác. Đến nay đã chuyển thành xe tải VAN biển kiểm soát 29D-125.84 đăng ký mang tên Hà Văn T, sinh năm 1979 ở số 267 tổ 81B L, Đ, Hà Nội. Quá trình điều tra, anh Thường đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29D-125.84 kèm theo giấy tờ xe.

- Ngày 07/7/2022, chị Trần Thị Thanh B tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 05/8/2022, bà Đỗ Thị X1, sinh năm 1965, trú tại thôn Dĩnh Lục 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang là mẹ bị cáo Q đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 220.000.000 đồng để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo Q.

- Ngày 20/7/2022, Cơ quan điều tra thu giữ của Đinh Văn Q số tiền 1.900.000 đồng và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng FC, số 240132561424 mang tên Đinh Văn Q.

- Ngày 08/01/2023, Cơ quan điều tra bắt tạm giam có thu giữ của Phạm Mạnh H 01 chiếc điện thoại di động Nokia, vỏ màu đen, có số seri 356107164820113, và 01 chiếc điện thoại di động OPPO, vỏ màu đen, có số IMEI1: 866184037480733, số IMEI2: 866184037480725.

- Ngày 08/01/2023, Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của Phạm Mạnh H đã thu giữ: 01 con dao bấm; 07 vật rắn dạng roi, quần băng dính màu đen; 01 côn màu đen; 01 con dao kim loại chuôi bằng gỗ; 01 thanh đao bằng kim loại; Số tiền 750.000 đồng tại dưới đệm đầu giường; Số tiền 37.500.000 đồng trong hộp kim loại để trong tủ quần áo. Ngoài ra còn thu giữ 01 vật nghi súng, kích thước dài 56cm để trong đoạn ống nhựa hình trụ, bịt kín 2 đầu ở khu vực khe tường giáp ranh với số nhà 08, ngõ 389 đường bờ đê Tiên Giang, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang.

- Cơ quan điều tra đã trả lại anh Phạm Minh T2 chiếc xe ô tô mang BKS 29D-125.84 kèm theo giấy tờ xe và số tiền 50.000.000 đồng; trả cho anh Hà Văn T số tiền 220.000.000 đồng. Đối với số vật chứng, tài sản còn lại được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Tuấn và anh Thường đều không yêu cầu bồi thường. Anh Tuấn có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Q yêu

cầu bị cáo Hà trả lại cho bà Đỗ Thị X1 220 triệu đồng mà bà Xuân nộp bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo Q.

Tại Bản Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 28 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố Đinh Văn Q, Phạm Mạnh H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Mạnh H, Đinh Văn Q thừa nhận hành vi của các bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu và như các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo Hà xác nhận chính bị cáo đã chỉ đạo bị cáo Q mang xe của anh Tuấn đi cầm cố lấy tiền, sau đó chỉ đạo Q mang xe ô tô của anh Tuấn đi bán; toàn bộ số tiền cầm cố xe và bán xe bị cáo Hà sử dụng, bị cáo Q không được bị cáo Hà chia đồng nào, các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đối với bị cáo Hà đồng ý trả lại số tiền 220.000.000 đồng mà bà Đỗ Thị X1 (Mẹ bị cáo Q) đã nộp vào cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả do hành vi các bị cáo đã thực hiện. Đối với số tiền 750.000 đồng tại dưới đệm đầu giường và số tiền 37.500.000 đồng trong hộp kim loại để trong tủ quần áo ở nhà bị cáo Hà, bị cáo Hà xác định đây là tài sản của vợ bị cáo vay mà có, bị cáo Hà đề nghị trả số tiền này cho vợ bị cáo là chị Đồng Thị D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị X1 có mặt tại phiên tòa trình bày: Bà là mẹ bị cáo Đinh Văn Q, bà đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 220.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra. Nay bà yêu cầu bị cáo Hà phải có nghĩa vụ trả lại bà số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đồng Thị D có mặt tại phiên tòa trình bày: Chị là vợ của bị cáo Hà, số tiền 750.000 đồng tại dưới đệm đầu giường và số tiền 37.500.000 đồng trong hộp kim loại để trong tủ quần áo ở nhà bị cáo Hà mà cơ quan điều tra thu giữ là tiền của chị vay mà có, nên chị xin được nhận lại số tiền này.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên Q định như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh và hình phạt:

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Mạnh H từ 05 năm tù đến 05 năm 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam 08/01/2023.

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo

Đinh Văn Q từ 04 năm 06 tháng từ đến 04 năm 10 tháng từ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam 20/7/2022.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 586, Điều 587 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phạm Mạnh H có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị X1 220.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Đinh Văn Q số tiền 1.900.000 đồng và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng FC, số 240132561424 mang tên Đinh Văn Q, nhưng tạm giữ số tiền 1.900.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại Phạm Mạnh H 01 chiếc điện thoại di động Nokia, vỏ màu đen, có số seri 356107164820113 và 01 chiếc điện thoại di động OPPO, vỏ màu đen, có số IMEI1: 866184037480733, số IMEI2: 866184037480725, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại chị Đồng Thị D số tiền 750.000 đồng và số tiền 37.500.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bấm; 07 vật rắn dạng roi, quần băng dính màu đen; 01 côn màu đen; 01 con dao kim loại chuôi bằng gỗ; 01 thanh đao bằng kim loại;

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Buộc bị cáo Hà chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Q, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Ngày 18/01/2023 bị cáo Hà có đơn kêu oan và khiếu nại đối với Q định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Mạnh H của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang, tại Q định giải Q khiếu nại số 04/QĐ-VKS-KN ngày 31/01/2023 của VKSND thành phố Bắc Giang đã Q định không chấp nhận nội dung khiếu nại của Hà. Ngày 03/02/2023 bị cáo Hà có đơn khiếu nại đối với Q định giải Q khiếu nại số

04/QĐ-VKS-KN ngày 31/01/2023 của VKSND thành phố Bắc Giang, nhưng đến ngày 08/02/2023 bị cáo Hà có đơn xin rút Đơn khiếu nại ngày 03/02/2023 nên VKSND tỉnh Bắc Giang đã ra Q định đình chỉ việc giải Q khiếu nại số 305/QĐ-VKS-KN ngày 13/02/2023 để đình chỉ việc giải Q khiếu nại của bị cáo Hà.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Kết luận định giá tài sản số 370 ngày 09/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Bắc Giang và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 14/02/2019, Phạm Mạnh H mượn anh Phạm Minh T2 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA HIACE, loại 16 chỗ, biển số 30X-2067 trị giá 270.000.000 đồng để đi cầm cố lấy tiền thì anh T2 đồng ý nhưng yêu cầu trong thời hạn 10 ngày phải trả lại xe, H chỉ đạo Q mang xe này đi cầm cố được 280,000.000 đồng. Sau này, vợ chồng anh T2 đã nhiều lần yêu cầu Hà chuộc xe nhưng H không trả xe. Đến ngày 04/4/2019, H tự ý bảo Q bán xe ô tô trên mà không được sự đồng ý của anh Tuấn. Theo sự chỉ đạo của H, Q đã bán chiếc xe ô tô cho anh Nguyễn Phương H ở thành phố Bắc Ninh với giá 280.000.000 đồng. Chiếc xe được định giá 270.000.000 đồng tại thời điểm tháng/2/2019.

Hành vi nêu trên của bị cáo H và bị cáo Q đã xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của anh T2. Các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý, mục đích vụ lợi, tài sản chiếm đoạt có trị giá 270.000.000 đồng nên đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ.

[4] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an cho người dân. Do vậy cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[8] Xét về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể giữa các bị cáo trong việc thực hiện tội phạm nên chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Xét cụ thể vai trò của từng bị cáo thì thấy: Bị cáo H là người mượn xe ô tô của anh Tuấn, sau đó là người trực tiếp chỉ đạo bị cáo Q mang đi bán và sử dụng toàn bộ số tiền này nên có vai trò

chính; bị cáo Q là người trực tiếp thực hiện hành vi theo chỉ đạo của bị cáo Hà nên có vai trò sau bị cáo H.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây nên; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Q có thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và tính chất hành vi của từng bị cáo như nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử các bị cáo hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của mỗi bị cáo. Đối với bị cáo Q, cần áp dụng thêm quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Q.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, để các bị cáo yên tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét, giải Q.

[8.2] Bà Đỗ Thị X1 yêu cầu bị cáo Phạm Mạnh H trả bà số tiền 220.000.000 đồng mà bà đã nộp tại cơ quan điều tra khắc phục hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, bị cáo H đồng ý trả bà X1 số tiền này. Mặt khác, bị cáo Hà là người sử dụng toàn bộ số tiền cầm cố xe và bán xe của anh T, nên cần buộc bị cáo H có nghĩa vụ trả bà X1 220.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 579, Điều 580, Điều 584, Điều 586, Điều 587 của Bộ luật dân sự. Ngoài ra cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để quyết định về lãi suất chậm thi hành án đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

[9.1] Đối với số tiền 1.900.000 đồng và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng FC, số 240132561424 mang tên Đinh Văn Q không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo Q, nhưng tạm giữ lại số tiền 1.900.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[9.2] Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia, vỏ màu đen, có số seri 356107164820113, và 01 chiếc điện thoại di động OPPO, vỏ màu đen, có số

IMEI1: 866184037480733, số IMEI2: 866184037480725 là tài sản của bị cáo Hà không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9.3] Đối với 01 con dao bấm; 07 vật rắn dạng roi, quần băng dính màu đen; 01 côn màu đen; 01 con dao kim loại chuôi bằng gỗ; 01 thanh đao bằng kim loại không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9.4] Đối với số tiền 750.000 đồng tại dưới đệm đầu giường và số tiền 37.500.000 đồng thu giữ trong hộp kim loại để trong tủ quần áo tại nhà bị cáo H, số tài sản này xác định là của chị Đồng Thị D nên cần trả lại chị Đồng Thị D.

[10] Những vấn đề có liên quan:

- Đối với Phạm Văn T được Phạm Mạnh H nhờ giúp bán chiếc xe ô tô của anh T2 nhưng H không nói và T3 cũng không hỏi về việc có được sự đồng ý của anh T2 hay không. Trước đó, T3 biết anh T2 đồng ý cho H mượn xe để đem đi cầm cố vay tiền. Kết quả điều tra xác định T3 không biết việc Hà tự ý bán xe của anh Tuấn. Đối với Vũ Quốc G được H nhờ đi đến nhà Q để bảo Q gọi điện thoại cho H nhưng không biết mục đích H và Q chiếm đoạt xe ô tô nên Cơ quan điều tra không xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với Nguyễn Phương H mua chiếc xe ô tô; Dương Văn B giới thiệu anh H mua xe ô tô do Đinh Văn Q bán nhưng đều không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ nên cần chấp nhận.

[13] Ngoài ra, cần tạm giam các bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án và áp dụng quy định tại Điều 331, Điều 333, khoản 1 Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Mạnh H.

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Văn Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 579, Điều 580, Điều 584, Điều 586, Điều 587 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo Phạm Mạnh H 05 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2023.

1.2. Xử phạt bị cáo Đinh Văn Q 04 năm 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2022.

2. Về vật chứng:

2.1. Trả lại cho bị cáo Đinh Văn Q số tiền 1.900.000 đồng và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng FC, số 240132561424 mang tên Đinh Văn Q, nhưng tạm giữ số tiền 1.900.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

2.2. Trả lại bị cáo Phạm Mạnh H 01 chiếc điện thoại di động Nokia, vỏ màu đen, có số seri 356107164820113 và 01 chiếc điện thoại di động OPPO, vỏ màu đen, có số IMEI1: 866184037480733, số IMEI2: 866184037480725, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

2.3. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bấm; 07 vật rắn dạng roi, quần băng dính màu đen; 01 côn màu đen; 01 con dao kim loại chuôi bằng gỗ; 01 thanh đao bằng kim loại;

2.4. Trả lại chị Đồng Thị D số tiền 750.000 đồng và số tiền 37.500.000 đồng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Mạnh H có nghĩa vụ trả bà Đỗ Thị X1 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, Q định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Buộc bị cáo Đinh Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5.2. Buộc bị cáo Phạm Mạnh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 11.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- CQĐT Công an tP Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Bắc Giang;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Thắng